TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày 25-9-2025
Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích Lệ và ông Trần Ngọc Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện khu vực 13 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 29/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:
+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (có mặt);
+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 (vắng mặt);
Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Văn S: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (có mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Hồ Công T, sinh năm 1981 (vắng mặt);
Địa chỉ cũ: Khu phố N, xã S, tỉnh Lâm Đồng.
Địa chỉ hiện tại của ông Hồ Công T là xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn Lương Nam, xã Lương Sơn, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H trình bày:* Ông, Bà với vợ chồng ông Hồ Công T là hàng xóm với nhau nên ông Hồ Công T có đặt vấn đề mượn tiền của vợ chồng Ông, Bà để mở rộng kinh doanh. Do đó, vào ngày 04/7/2023 vợ chồng Ông, Bà có cho vợ chồng ông T, bà H1 vay với số tiền là 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*). Việc vay mượn giữa các bên lúc đầu chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau. Thời hạn vay là 6 tháng, với lãi suất 2%/tháng. Khi nhận tiền ông Hồ Công T có ký vào tờ giấy viết tay giao cho vợ chồng Ông, Bà giữ để làm tin. Từ khi vay cho đến nay, vợ chồng ông Hồ Công T chỉ trả cho vợ chồng Ông, Bà 200.000.000 đồng vào tháng 8/2023, nhưng sau đó không trả nữa. Vợ chồng Ông, Bà nhận thấy vợ chồng ông T, bà H1 có ý cố tình không trả. Vì vậy, vợ chồng Ông, Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết, vợ chồng Ông, Bà được biết là khi vợ chồng Ông, Bà cho ông Hồ Công T vay tiền thì vợ chồng ông Hồ Công T đã ly hôn và trên thực tế là chỉ có ông Hồ Công T đến nhà vợ chồng Ông, Bà ký nhận tiền. Khoản tiền vợ chồng Ông, Bà cho ông Hồ Công T vay không liên quan đến bà Nguyễn Thị H1.

Do đó, vợ chồng Ông, Bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Công T phải trả cho vợ chồng Ông, Bà số tiền vay còn nợ là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hồ Công T trình bày:* Ông thừa nhận có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S nhiều lần và hai bên có chốt nợ theo giấy vay tiền đề ngày 04/7/2023 với số tiền nợ là 2.200.000.000 đồng. Nhưng khoảng 01 tháng sau, Ông có trả vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S 200.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Ông, đây là khoản nợ chung của Ông với bà Nguyễn Thị H1 (vợ đã ly hôn với Ông). Vì vậy, Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 cùng liên đới trả nợ cho nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà cùng ông Hồ Công T trả cho vợ chồng nguyên đơn, vì lúc ông Hồ Công T vay số tiền 2.000.000.000 đồng Bà không biết, vì vào thời điểm ông Hồ Công T vay tiền của nguyên đơn, Bà với ông Hồ Công T đã ly hôn theo Quyết định số 137/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân thủ phát luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hồ Công T trả cho vợ chồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H với số tiền gốc vay còn nợ là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) và không tính lãi suất.

+ Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 18/10/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Công T, có cùng địa chỉ ở khu phố Lương Nam, thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Lương Sơn, tỉnh Lâm Đồng) trả số tiền nợ vay 2.000.000.000 đồng. Ngày 21/10/2024, Tòa án nhận dân huyện Bắc Bình (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng) đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/02/2025 ông Hồ Công T thay đổi nơi cư trú. Địa chỉ hiện tại của ông Hồ Công T là xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang *(Theo Công văn số 195/CATT ngày 05/5/2025 của Công an thị trấn S)*, này là đặc khu K, tỉnh An Giang. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù ông Hồ Công T đã chuyển hộ khẩu đến nơi cư trú mới nhưng trước đó Tòa án đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc ông Hồ Công T chuyển nơi cứ trú mới không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng.

[1.2] Về việc vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn ông Hồ Công T: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị H tham gia phiên tòa. Bị đơn ông Hồ Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nợ vay:

** Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H:* Ông, Bà với vợ chồng ông Hồ Công T là hàng xóm với nhau nên ông Hồ Công T có đặt vấn đề mượn tiền của Ông, Bà để mở rộng kinh doanh. Do đó, Ông, Bà có cho ông Hồ Công T vay số tiền 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*). Sau đó, ông Tồn có ký vào giấy tờ xác nhận nợ ngày 04/7/2023. Từ khi vay cho đến nay ông Hồ Công T chỉ trả cho Ông, Bà 200.000.000 đồng vào tháng 8/2023, nhưng sau đó không trả nữa. Vì vậy, Ông, Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Công T phải trả cho Ông, Bà số tiền vay còn nợ là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), Ông, Bà không yêu cầu tính lãi.

** Theo bị đơn ông Hồ Công T:* Ông thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H nhiều lần và hai bên có chốt nợ theo giấy vay tiền đề ngày 04/7/2023 với số tiền nợ là 2.200.000.000 đồng. Nhưng khoảng 01 tháng sau thì Ông có trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn S 200.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Ông, đây là khoản nợ chung của Ông và bà Nguyễn Thị H1 (bà Nguyễn Thị H1 đã ly hôn với Ông). Vì vậy, Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 cùng liên đới trả nợ cho vợ chồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H.

Xét ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định là: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H có cho bị đơn ông Hồ Công T vay số tiền 2.200.000.000 đồng, ông Hồ Công T đã nhận đủ số tiền vay 2.200.000.000 đồng. Sau khi vay ông Hồ Công T chỉ trả 200.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 2.000.000.000 đồng, sau đó thì không trả nữa. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồ Công T trả 2.000.000.000 đồng tiền vay còn nợ là có căn cứ.

[2.2] Theo ông Hồ Công T: Số tiền nợ 2.000.000.000 đồng là nợ chung của Ông với bà Nguyễn Thị H1 (vợ đã ly hôn với Ông). Vì vậy, Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 cùng liên đới trả nợ cho vợ chồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H. Xét ý kiến của ông Hồ Công T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào thời điểm ông Hồ Công T vay tiền của nguyên đơn, ông Hồ Công T và bà Nguyễn Thị H1 đã ly hôn (Không còn là vợ chồng). Do đó, giao dịch giữa ông Hồ Công T với vợ chồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H không phải là giao dịch trong thời kỳ hôn nhân, nên không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị H1. Và vì vậy, ông Hồ Công T yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 (vợ đã ly hôn với Ông) cùng liên đới trả nợ vay cho vợ chồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất:

Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy nhiên, tại phiên tòa vợ chồng nguyên đơn có ý kiến là kể từ khi bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành án xong, ông Hồ Công T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của vợ chồng nguyên đơn để tuyên trong phần quyết định của bản án là phù hợp.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H, về việc: Yêu cầu bị đơn ông Hồ Công T trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền vay 2.000.000.000 đồng còn nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Hồ Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H số tiền 41.652.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009052 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình (*Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 tỉnh Lâm Đồng)*.

[4] Xét ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử nhận thấy, ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị H (1971) và ông Nguyễn Văn S. Buộc ông Hồ Công T phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H (1971) và ông Nguyễn Văn S số tiền

2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Hồ Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

- Trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị H số tiền 41.652.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009052 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 tỉnh Lâm Đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 13 - Lâm Đồng;
- THA dân sự Lâm Đồng; (qua Phòng THA DS khu vực 13)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Thanh Trúc Tuyền